

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/DS-ST

Ngày: 30 – 01 – 2023

V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàng Minh.

Ông Ngô Văn Khon.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Phụng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 30 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 275/TLST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 160/2022/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP XX.

Địa chỉ trụ sở: 89 Láng H, Phường Láng H, Quận Đ, Tp H.

Địa chỉ liên lạc: Tầng 5, số X, Cách Mạng Tháng Tám, Phường An T, Quận B, Tp. C.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy Q: Ông Đỗ Thành T, chức vụ: Phó Giám đốc trung tâm xử lý nợ - XX (Văn bản ủy Q số 25/2020/UQ-HĐQT ngày 07/7/2020).

Người được ủy Q lại: Anh Phan Tấn Đ, anh Vương Lê Vĩnh N, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ. Địa chỉ: Tầng 5, Tòa nhà B, số 49, Cách Mạng Tháng Tám, Phường An T, Quận B, Tp. C. Anh Huỳnh Minh Đ, chức vụ: Chuyên viên

xử lý nợ. Địa chỉ: Số X-Y Nguyễn Huệ, Phường N, Tp. C, tỉnh Đ.

(Văn bản ủy Q, số 183/2022/UQ-VPB ngày 26/7/2022).

- *Bị đơn*: Anh Lê Minh Q, sinh năm 1981.

Chị Ngô Thị Dương L, sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đ.

Anh Huỳnh Minh Đức có mặt tại phiên tòa; anh Lê Minh Q và chị Ngô Thị Dương L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Ngân hàng thương mại XX trình bày:*

Ngày 23/9/2016, anh Lê Minh Q, chị Ngô Thị Dương L và Ngân hàng đã ký Hợp đồng tín dụng số 9316032/DTP/HĐTD và Khế ước nhận nợ số 01/9316032/DTP/KUNN ngày 23/9/2016. Theo Hợp đồng tín dụng, anh Q và chị L vay số tiền 109.000.000 đồng (Một trăm lẻ chín triệu đồng); mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe tải DongBen DB1021 thùng lửng; thời hạn vay là 72 tháng (tương đương 72 kỳ), kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 23/10/2016, lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 9,99%/năm. Bên vay có nghĩa vụ trả nợ gốc cho Ngân hàng theo định kỳ hàng tháng vào ngày 23. Số nợ gốc mà bên vay phải trả mỗi kỳ là 1.514.000 đồng (Một triệu, năm trăm mười bốn nghìn đồng). Riêng kỳ cuối trả dứt nợ vay. Ngân hàng đã thực hiện việc giải ngân theo đúng yêu cầu của anh Q, chị L và phù hợp với hợp đồng tín dụng

Đồng thời ngày 19/12/2016, anh Lê Minh Q và chị Ngô Thị Dương L có giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử mã số thẻ 226-P-194168, số tiền vay 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng); mục đích vay: Tiêu dùng; thời hạn vay: không thời hạn; lãi suất, phí theo điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng

Để bảo đảm cho các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 9316032/DTP/HĐTD, giữa ông Lê Minh Q, chị Ngô Thị Dương L và Ngân hàng thương mại cổ phần XX đã ký hợp đồng thế chấp xe ô tô số: 9316032/DTP/HĐTCSP ngày 23/9/2016, đơn yêu cầu đăng ký thế chấp được Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 23/9/2016 (Số đăng ký 1225363463).

Với tài sản bảo đảm cụ thể là: Một chiếc xe ô tô tải, nhãn hiệu DONGBEN, số loại: DB1021, số khung: RM3BACAB4G2102920, số máy:

LJ465AE6G07127420, màu sơn: Bạc, dung tích: 1051, tải trọng hàng hóa: 870kg, số chỗ ngồi: 02, biển số 66C-055.53, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 008385 do anh Lê Minh Q đứng tên, được Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 21/9/2016.

Quá trình sử dụng khoản vay và thẻ tín dụng anh Q, chị L đã vi phạm các nội dung thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử, các văn bản của anh Lê Minh Q và chị Ngô Thị Dương L đã ký và bị quá hạn thanh toán kể từ ngày 22/9/2019. Tính đến ngày 30/01/2023 anh Lê Minh Q và chị Ngô Thị Dương L còn nợ Ngân hàng tổng cộng gốc và lãi là 145.474.496 đồng (Một trăm bốn mươi lăm triệu đồng, bốn trăm bảy mươi bốn nghìn, bốn trăm chín mươi sáu đồng). Trong đó:

+ Hợp đồng tín dụng: Nợ gốc là 56.010.000 đồng; nợ lãi là 40.565.243 đồng. Tổng cộng 96.575.243 đồng.

+ Thẻ tín dụng: Nợ gốc 15.464.097 đồng; nợ lãi 33.435.156 đồng. Tổng cộng 48.899.253 đồng.

Ngân hàng thương mại cổ phần XX yêu cầu Lê Minh Q và chị Ngô Thị Dương L phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP XX ngay 01 lần số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 30/01/2023 là 145.474.496 đồng (Một trăm bốn mươi lăm triệu, bốn trăm bảy mươi bốn nghìn, bốn trăm chín mươi sáu đồng). Trong đó bao gồm nợ gốc là 71.474.097 đồng, lãi là 74.000.399 đồng.

Ngoài ra, kể từ ngày 31/01/2023 trở đi anh Lê Minh Q và chị Ngô Thị Dương L còn phải tiếp tục chịu lãi, lãi quá hạn phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho VPBank.

Trường hợp anh Lê Minh Q và chị Ngô Thị Dương L không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng TMCP XX có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi toàn bộ nợ vay.

Sau khi anh Q, chị L hoàn thành việc trả nợ thì Ngân hàng sẽ trả lại tài sản thế chấp cho anh Q, chị L theo Hợp đồng tín dụng số 9316032/DTP/HĐTD ngày 23/9/2016.

- Bị đơn anh Lê Minh Q và chị Ngô Thị Dương L không có Văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Đơn khởi kiện (Bản chính); Quyết định bổ nhiệm nhân sự ngày 06/7/2020 (Bản sao); Văn bản ủy Q số 25/2020/UQ-HĐQT ngày 07/7/2020 (Bản chính); Văn bản ủy Q, số 183/2022/UQ-VPB ngày 26/7/2022 (Bản chính); Hợp đồng thế chấp xe ô tô ngày 23/9/2016 (Bản sao); Hợp đồng tín dụng ngày 23/9/2016 (Bản sao); Đơn yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng thông báo việc kê biên (Bản sao); Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án (Bản photo); Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do anh Lê Minh Q đứng tên (Bản sao); Phụ lục số 04 văn bản yêu cầu thông báo về việc thế chấp phương tiện giao thông ngày 23/9/2016 (Bản sao); Khế ước nhận nợ ngày 23/9/2016 (Bản photo); Giấy chứng minh nhân dân của anh Lê Minh Q, chị Ngô Thị Dương L (Bản photo); Giấy chứng nhận kết hôn giữa anh Lê Minh Q và chị Ngô Thị Dương L (Bản photo); Sổ hộ khẩu của anh Lê Minh Q (Bản photo).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần XX và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “*V/v tranh chấp hợp đồng dân sự tín dụng*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Lê Minh Q và chị Ngô Thị Dương L cư trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đ nên thuộc thẩm Q giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Lê Minh Q và chị Ngô Thị Dương L được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Nho theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét tính hợp pháp của Hợp đồng tín dụng số 9316032/DTP/HĐTD và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 19/12/2016.

Xét thấy, sau khi đạt được sự thỏa thuận, Ngân hàng và anh Lê Minh Q, chị Ngô Thị Dương L đã ký kết Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ và hợp

đồng sử dụng thẻ tín dụng. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, Ngân hàng hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 0100233583; anh Q và chị L có khả năng bằng hành vi của mình xác lập, thực hiện các quyền và nghĩa vụ dân sự theo quy định. Do đó, khi ký kết Hợp đồng thì Ngân hàng và anh Q, chị L đều có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật. Việc giao kết hợp đồng được thực hiện trên cơ sở tự nguyện của các bên, mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội nên Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng giữa Ngân hàng và anh Q, chị L có hiệu lực pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 117 của Bộ luật dân sự 2015.

[2.2] Xét yêu cầu Ngân hàng thương mại cổ phần XX về việc yêu cầu anh Lê Minh Q và chị Ngô Thị Dương L thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi là 145.474.496 đồng (Một trăm bốn mươi lăm triệu, bốn trăm bảy mươi bốn nghìn, bốn trăm chín mươi sáu đồng). Yêu cầu tính lãi phát sinh từ ngày 31/01/2023 đến khi thanh toán hết khoản nợ.

Xét thấy, sau khi ký kết hợp đồng, Ngân hàng đã giải Ngân cho anh Q, chị L số tiền 109.000.000 đồng và thẻ tín dụng số tiền 16.000.000 đồng. Theo thỏa thuận, anh Q và chị L có trách nhiệm trả gốc và lãi theo quy định cho Ngân hàng. Tuy nhiên, anh Q và chị L không thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận. Như vậy, anh Q và chị L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết. Do đó, Ngân hàng yêu cầu anh Lê Minh Q và chị Ngô Thị Dương L trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 71.474.097 đồng là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng và khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015.

Về lãi suất: Tại Hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết, giữa Ngân hàng và anh Q, chị L có thỏa thuận về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn. Do đó, Ngân hàng yêu cầu anh Q và chị L trả số tiền lãi 74.000.399 đồng và tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 31/01/2023 theo thỏa thuận tại Hợp đồng đã ký kết cho đến khi thanh toán hết khoản nợ là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng và khoản 1 Điều 357, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các Văn bản tố tụng cho anh Q, chị L nhưng anh Q, chị L không có Văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án. Do đó, anh Q và chị L phải tự chịu trách nhiệm đối với hành vi của mình và phải chịu trách nhiệm đối với các khoản vay theo lời trình bày của Ngân hàng.

Từ những phân tích đã nêu trên, Ngân hàng thương mại cổ phần XX yêu cầu anh Lê Minh Q và chị Ngô Thị Dương L thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi là 145.474.496 đồng (Một trăm bốn mươi lăm triệu, bốn trăm bảy mươi bốn nghìn, bốn trăm chín mươi sáu đồng) và yêu cầu thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 31/01/2023 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ là có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Về tài sản thế chấp: Tại Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ, giữa Ngân hàng và anh Q, chị L có thỏa thuận về việc xử lý tài sản thế chấp nếu bên được vay không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ. Do đó, Ngân hàng được Q yêu cầu cơ quan Thi hành án xử lý tài sản cầm cố theo Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký kết để đảm bảo thu hồi nợ là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng và Điều 299 của Bộ luật dân sự 2015.

Sau khi anh Q và chị L hoàn thành việc trả nợ thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại tài sản thế chấp cho anh Q và chị L theo Hợp đồng tín dụng số 9316032/DTP/HĐTD và Khế ước nhận nợ số 01/9316032/DTP/KUNN ngày 23/9/2016 theo quy định tại Điều 302, khoản 4 Điều 313 của Bộ Luật dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nên anh Lê Minh Q và chị Ngô Thị Dương L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 117, Điều 299, Điều 302, khoản 4 Điều 313, khoản 1 Điều 357, khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Khoản 2 Điều 91, khoản 1 và khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010;

Điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần

XX.

Buộc anh Lê Minh Q và chị Ngô Thị Dương L trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần XX số tiền gốc là 71.474.097 đồng và tiền lãi 74.000.399 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 145.474.496 đồng (Một trăm bốn mươi lăm triệu, bốn trăm bảy mươi bốn nghìn, bốn trăm chín mươi sáu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (31/01/2023) khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng cho vay, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Anh Q và chị L không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ hoặc thanh toán không đầy đủ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án xử lý tài sản cầm cố theo Hợp đồng tín dụng số 9316032/DTP/HĐTD và Khế ước nhận nợ số 01/9316032/DTP/KUNN ngày 23/9/2016 để đảm bảo thu hồi nợ.

Sau khi anh Q và chị L hoàn thành việc trả nợ thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại tài sản cầm cố cho anh Q và chị L theo Hợp đồng tín dụng số 9316032/DTP/HĐTD và Khế ước nhận nợ số 01/9316032/DTP/KUNN ngày 23/9/2016.

Về án phí:

Buộc anh Lê Minh Q và chị Ngô Thị Dương L phải chịu 7.274.000 đồng (Bảy triệu, hai trăm bảy mươi bốn nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần XX số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.593.000 đồng (Ba triệu, năm trăm chín mươi ba nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0014272 ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có Q kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án và bản được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Q thỏa thuận thi hành án, Q yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THA DS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Trung